

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	040001	CHIEN HỮU AN	Nam	11/11/2009	9.2	8.6	8.68	8.14	8.66	3.25	3.00	6.00	1.0	0.0	12.17	
2	040002	NGUYỄN MINH AN	Nam	13/05/2010	9.15	8.81	9.05	8.66	8.92	6.75	6.75	6.00	0.0	0.0	16.33	
3	040003	NGUYỄN TRẦN HOÀI AN	Nam	09/01/2010	6.33	6.64	6.21	6.45	6.41	5.50	0.50	3.50	0.0	0.0	8.57	Liệt
4	040004	DƯƠNG QUỲNH ANH	Nữ	16/02/2010	7.66	7.74	8.08	7.85	7.83	3.75	6.00	4.00	0.0	0.0	11.97	
5	040005	ĐÀO CHUNG ANH	Nữ	06/08/2010	8.51	8.79	8.99	9.1	8.85	6.75	3.75	6.50	1.0	0.0	15.56	
6	040006	ĐINH HỒ HOÀNG ANH	Nam	28/05/2010	8.14	8.45	8.38	8.43	8.35	6.00	6.75	9.25	0.0	0.0	17.91	
7	040007	HUỲNH DƯƠNG THẢO ANH	Nữ	13/09/2010	6.36	6.98	6.78	7.18	6.83	5.50	2.00	3.75	0.0	0.0	9.92	
8	040008	HUỲNH VÂN ANH	Nữ	18/04/2010	6.4	6.24	6.44	6.53	6.4	3.00	3.50	3.25	0.0	0.0	8.75	
9	040009	LƯƠNG THỊ TRÂM ANH	Nữ	26/06/2010	6.5	7.24	7.04	6.79	6.89	5.50	2.25	3.75	0.0	0.0	10.12	
10	040010	NGUYỄN QUỲNH TRÂM ANH	Nữ	11/09/2010	7.65	7.61	7.3	7.24	7.45	5.50	2.50	3.25	0.0	0.0	10.11	
11	040011	PHẠM HUỲNH ANH	Nữ	11/06/2010	6.84	7.4	7.29	8.2	7.43	6.25	6.25	6.00	0.0	0.0	15.18	
12	040012	TRƯƠNG HUỲNH ANH	Nữ	25/03/2010	7.8	6.76	7.01	7.34	7.23	6.25	1.25	3.50	0.0	0.0	9.87	
13	040013	VÕ NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	16/08/2010	8.5	8.69	8.16	7.61	8.24	5.25	4.25	3.00	0.0	0.0	11.22	
14	040014	VÕ NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	17/08/2010	7.76	7.49	7.24	7.23	7.43	4.00	3.50	4.25	0.0	0.0	10.45	
15	040015	LÝ HOÀI ÂN	Nam	16/03/2010	5.83	5.89	6.34	6.6	6.17	5.75	3.50	6.50	0.0	0.0	12.88	
16	040016	LÊ VĂN BÁCH	Nam	03/03/2010	8.7	8.64	8.93	8.43	8.68	6.75	7.50	4.75	0.0	0.0	15.90	
17	040017	HOÀNG GIA BẢO	Nam	07/06/2010	7.78	8.29	8.25	8.54	8.22	6.25	5.50	4.75	0.0	0.0	14.02	
18	040018	LÊ DUY BẢO	Nam	18/07/2010	8.41	8.91	8.9	8.71	8.73	4.50	6.75	7.75	0.0	0.0	15.92	
19	040019	LÊ THIÊN BẢO	Nam	06/03/2010	5.51	5.91	6.1	6.54	6.02	2.75	1.50	4.00	0.0	0.0	7.58	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
20	040020	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	16/07/2010	6.79	6.09	6.51	6.68	6.52	3.00	2.50	3.00	0.0	0.0	7.91	
21	040021	PHAN GIA BẢO	Nam	04/07/2010	5.46	5.2	5.31	5.74	5.43	2.50	2.00	3.25	0.0	0.0	7.05	
22	040022	PHAN GIA BẢO	Nam	14/12/2010	7.63	8.03	7.9	8.24	7.95	4.25	2.50	5.00	0.0	0.0	10.61	
23	040023	PHẠM THANH BẢO	Nam	02/12/2010	5.5	6.16	5.49	5.86	5.75	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.73	Liệt
24	040024	TRỊNH GIA BẢO	Nam	01/10/2010	6.01	6.29	5.81	6.29	6.1	4.75	1.75	2.50	0.0	0.0	8.13	
25	040025	VÕ DUY BẢO	Nam	28/02/2010	5.48	6.44	6.59	6	6.13	5.00	1.00	2.50	0.0	0.0	7.79	
26	040026	NGUYỄN TRẦN HOÀI BẢO	Nam	06/01/2010	8.25	7.96	7.99	7.76	7.99	5.50	3.50	6.00	0.0	0.0	12.90	
27	040027	NGUYỄN THỊ KHÁNH BĂNG	Nữ	18/09/2010	8.88	8.7	8.45	8.88	8.73	8.25	4.50	5.25	0.0	0.0	15.22	
28	040028	PHẠM BĂNG BĂNG	Nữ	11/04/2010	6.91	6.73	7.33	7.11	7.02	5.00	2.75	3.75	0.0	0.0	10.16	
29	040029	VÕ THANH BÌNH	Nam	09/11/2010	6.18	6.54	8.99	8.83	7.64	4.50	6.25	6.50	0.0	0.0	14.37	
30	040030	HUỲNH LONG CHÂU	Nam	16/02/2010	5.99	5.18	6.16	5.43	5.69	2.25	0.25	2.50	0.0	0.0	5.21	Liệt
31	040031	LÊ PHẠM NGỌC CHÂU	Nữ	15/10/2010	6.96	6.7	6.85	7.29	6.95	4.25	3.75	4.25	0.0	0.0	10.66	
32	040032	MUÔN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	15/05/2010	6.81	6.6	6.78	7.06	6.81	4.83	1.25	3.75	0.0	0.0	8.92	
33	040033	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	Nữ	25/09/2010	6.16	6.18	6.46	6.56	6.34	3.50	0.25	3.00	0.0	0.0	6.63	Liệt
34	040034	TRẦN NGỌC CHÂU	Nữ	10/04/2010	7.03	7.76	8.03	7.7	7.63	6.00	6.25	6.25	0.0	0.0	15.24	
35	040035	TRƯƠNG NGỌC MINH CHÂU	Nữ	02/08/2010	7.06	6.78	6.94	6.95	6.93	5.00	2.50	4.50	0.0	0.0	10.48	
36	040036	VÕ THÀNH CHÁT	Nam	10/02/2010	5.43	6.24	6.35	6.29	6.08	4.00	1.25	3.50	0.0	0.0	7.95	
37	040037	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	21/01/2010	8.48	8.49	8.5	8.43	8.48	6.75	6.50	6.50	0.0	0.0	16.37	
38	040038	TRẦN NGUYỄN KIM CƯƠNG	Nữ	26/08/2010	8.1	7.96	8.08	7.65	7.95	5.25	4.50	4.00	0.0	0.0	12.01	
39	040039	VÕ HOÀNG THẾ DÂN	Nam	22/05/2010	5.49	5.79	5.93	5.84	5.76	2.75	2.00	2.25	0.0	0.0	6.63	
40	040040	TRẦN THỊ DIỄM	Nữ	22/05/2010	7.01	6.66	6.63	7.13	6.86	6.00	2.00	3.25	0.0	0.0	9.93	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
41	040041	TRẦN NGỌC DIỆP	Nữ	03/02/2010	5	5.8	5.75	5.78	5.58	4.00	0.00	3.50	0.0	0.0	6.92	Liệt
42	040042	NGUYỄN HOÀNG DUNG	Nữ	13/10/2010	7.74	8.06	7.21	7.44	7.61	5.50	2.75	3.50	0.0	0.0	10.51	
43	040043	CAO TRẦN NHẬT DUY	Nam	13/07/2010	7.66	7.83	7.1	7.75	7.59	6.00	5.50	5.75	0.0	0.0	14.35	
44	040044	LÊ TRẦN THANH DUY	Nam	26/10/2010	7.16	7.73	7.4	7.81	7.53	5.75	2.25	3.50	0.0	0.0	10.31	
45	040045	NGUYỄN BẢO DUY	Nam	29/09/2010	7.36	7.25	7.41	7.29	7.33	3.75	3.50	3.50	0.0	0.0	9.72	
46	040046	NGUYỄN MINH DUY	Nam	24/07/2010	5.71	5.79	6.1	6	5.9	1.25	2.50	2.50	0.0	0.0	6.15	
47	040047	NGUYỄN PHẠM MINH DUY	Nam	26/01/2010	6.19	6.64	6.89	7.35	6.77	4.25	2.25	4.50	0.0	0.0	9.73	
48	040048	NGUYỄN VÕ KHÁNH DUY	Nam	16/04/2010	8.19	8.4	9.06	8.78	8.61	5.00	5.00	2.75	0.0	0.5	12.01	
49	040049	TRẦN LƯƠNG BẢO DUY	Nam	23/08/2010	5.15	5.14	4.98	5.31	5.15	3.25	0.25	3.50	0.0	0.0	6.45	Liệt
50	040050	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	05/05/2010	7.33	6.85	6.95	6.86	7	3.75	2.75	5.00	0.0	0.0	10.15	
51	040051	PHAN ANH DŨNG	Nam	15/08/2010	7	6.9	6.75	6.61	6.82	5.50	1.75	5.00	0.0	0.0	10.62	
52	040052	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	Nữ	21/12/2010	6.56	6.88	6.08	6.16	6.42	5.33	1.00	2.25	0.0	0.0	7.93	
53	040053	PHẠM THỊ THỦY DƯƠNG	Nữ	21/08/2010	7.31	7.01	7.78	7.43	7.38	5.00	4.75	2.00	0.0	0.0	10.44	
54	040054	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	Nữ	17/12/2010	6.39	6.75	6.79	6.84	6.69	5.00	2.25	2.50	0.0	0.0	8.83	
55	040055	NGUYỄN TRẦN ANH ĐÀO	Nữ	26/02/2010	7.88	8.36	8.1	7.73	8.02	6.50	3.50	3.50	0.0	0.0	11.86	
56	040056	TRẦN THỊ HỒNG ĐÀO	Nữ	12/03/2010	7.29	7.38	7.29	7.18	7.29	5.50	2.25	3.75	0.0	0.0	10.24	
57	040057	TRỊNH MINH ĐẠI	Nam	08/04/2010	7.59	8.25	8.4	8.71	8.24	6.25	5.00	6.25	0.0	0.0	14.72	
58	040058	ĐẶNG VĂN ĐẠT	Nam	30/03/2010	6.01	6.53	6.36	6.16	6.27	4.50	0.75	3.25	0.0	0.0	7.83	Liệt
59	040059	ĐOÀN QUỐC ĐẠT	Nam	06/02/2010	7.69	8.21	8.5	7.84	8.06	5.42	5.25	6.00	0.0	0.0	14.09	
60	040060	LÊ PHONG ĐẠT	Nam	09/05/2010	6.39	6.03	5.45	5.74	5.9	5.25	2.50	4.25	0.0	0.0	10.17	
61	040061	LƯƠNG MINH ĐẠT	Nam	18/06/2010	6.48	6.36	5.51	5.68	6.01	4.25	3.50	1.75	0.0	0.0	8.45	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U ^T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
62	040062	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	03/04/2010	7.59	7.81	7.15	7.04	7.4	6.17	1.00	3.50	0.0	0.0	9.69	
63	040063	HỒ KHÁNH ĐĂNG	Nam	05/10/2010	7.68	7.66	7.84	7.39	7.64	5.25	3.75	3.25	0.0	0.0	10.87	
64	040064	VÔ HẢI ĐĂNG	Nam	25/02/2010	7	6.91	6.9	6.75	6.89	4.00	4.50	4.50	0.0	0.0	11.17	
65	040065	VÔ MINH ĐĂNG	Nam	19/09/2010	5.7	6.14	6.36	6.49	6.17	2.75	1.50	2.00	0.0	0.0	6.23	
66	040066	HÀ MINH ĐẦU	Nam	27/08/2010	6.29	6.58	7.05	6.8	6.68	6.25	2.50	3.50	0.0	0.0	10.58	
67	040067	DƯƠNG ĐẠI ĐỒNG	Nam	14/01/2010	7.23	8.14	7.84	7.89	7.78	6.00	4.00	5.00	0.0	0.0	12.83	
68	040068	TRẦN THÁI ĐỨC	Nam	01/07/2010	7.43	7.91	8.06	7.8	7.8	3.50	3.25	4.25	0.0	0.0	10.04	
69	040069	VÔ THỊ HỒNG GÁM	Nữ	19/08/2010	7.88	7.98	7.81	7.6	7.82	5.50	4.00	2.75	0.0	0.0	10.92	
70	040070	LỤC PHÚ GIA	Nam	07/09/2010	6.95	7.43	7.1	7.1	7.15	5.75	5.00	3.75	0.0	0.0	12.30	
71	040071	VÔ NGỌC HƯƠNG GIANG	Nữ	08/05/2010	8.68	8.74	7.85	8.29	8.39	4.75	3.00	5.50	0.0	0.0	11.79	
72	040072	NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	08/08/2010	8.18	8.08	7.79	8.06	8.03	6.00	3.00	5.50	0.0	0.0	12.56	
73	040073	ĐẶNG QUỐC HÀO	Nam	21/06/2010	6.35	6.15	6.29	6.03	6.21	3.50	1.25	3.75	0.0	0.0	7.81	
74	040074	NGÔ PHẠM CHÍ HÀO	Nam	07/09/2010	6.13	6.26	5.99	6.44	6.21	2.75	3.75	3.25	0.0	0.0	8.69	
75	040075	PHẠM NHỰT HÀO	Nam	27/07/2010	8.5	7.99	8.44	7.54	8.12	4.50	6.50	4.25	0.0	0.0	13.11	
76	040076	PHẠM VŨ KHẮC HÀO	Nam	24/10/2010	6.64	6.21	5.96	6.31	6.28	6.00	3.50	2.75	0.0	0.0	10.46	
77	040077	HUỶNH TRÍ HẢI	Nam	08/10/2009	5.24	6.39	6.4	6.05	6.02	4.00	0.75	4.25	0.0	0.0	8.11	Liệt
78	040078	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	Nam	12/01/2010	7.79	7.2	7.86	7.3	7.54	3.50	3.00	4.75	0.0	0.0	10.14	
79	040079	NGÔ MỸ HẠNH	Nữ	16/07/2010	6.79	7.09	7.65	7.54	7.27	4.75	2.50	3.75	0.0	0.0	9.88	
80	040080	NGUYỄN THỊ TUYẾT HẰNG	Nữ	04/07/2010	7.98	7.89	8.24	8.31	8.11	5.75	5.50	4.75	0.0	0.0	13.63	
81	040081	PHẠM NGỌC MỸ HẰNG	Nữ	12/10/2010	5.93	6.73	6.3	6.35	6.33	4.75	1.75	2.75	0.0	0.0	8.37	
82	040082	CAO GIA HÂN	Nữ	09/01/2010	7.93	7.95	8.06	8.21	8.04	6.50	3.50	3.75	0.0	0.0	12.04	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
83	040083	ĐÀO GIA HÂN	Nữ	24/06/2010	8.25	8.25	8.5	8.55	8.39	7.50	5.25	5.25	0.0	0.0	15.12	
84	040084	HÀ GIA HÂN	Nữ	28/10/2010	5.81	6.66	6.49	6.53	6.37	7.25	2.50	3.25	0.0	0.0	11.01	
85	040085	LÂM ĐẶNG GIA HÂN	Nữ	29/06/2010	6.8	5.95	5.95	6.56	6.32	5.75	1.75	2.25	0.0	0.0	8.72	
86	040086	LÊ NGỌC BẢO HÂN	Nữ	12/09/2010	8.14	8.18	7.61	7.66	7.9	6.75	3.75	3.50	0.0	0.0	12.17	
87	040087	NGUYỄN NGỌC BÍCH HÂN	Nữ	28/01/2010	7.2	7.55	7.95	7.91	7.65	4.00	3.75	3.00	0.0	0.0	9.82	
88	040088	PHẠM BẢO HÂN	Nữ	12/11/2010	6.14	6.13	5.5	6.13	5.98	1.75	1.50	2.25	0.0	0.0	5.64	
89	040089	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	Nữ	10/05/2010	7.16	7.56	7.29	7.69	7.43	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.23	Liệt
90	040090	VŨ GIA HÂN	Nữ	17/11/2010	7.69	8.26	8.78	8.96	8.42	7.50	6.25	7.25	0.0	0.0	17.23	
91	040091	LÊ VĂN HẬU	Nam	05/09/2009	7.51	8.33	8.25	8.01	8.03	5.50	6.75	3.00	0.0	0.0	13.08	
92	040092	LÊ VĂN HẬU	Nam	11/11/2006	6.4	7.21	6.91	6.36	6.72	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.02	Liệt
93	040093	NGUYỄN HỒNG HẬU	Nữ	06/09/2010	7.38	7	7.4	7.59	7.34	6.00	3.75	5.00	0.0	0.0	12.53	
94	040094	NGUYỄN PHÚC HẬU	Nam	19/03/2010	6.66	6.11	6.51	6.7	6.5	2.50	1.50	1.75	0.0	0.0	5.98	
95	040095	NGUYỄN KẾ HIỀN	Nam	07/11/2010	7.48	7.84	8.06	7.2	7.65	4.50	2.75	4.25	0.0	0.0	10.35	
96	040096	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	11/09/2010	6.15	6.46	6.65	6.51	6.44	2.75	1.75	2.50	0.0	0.0	6.83	
97	040097	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	19/03/2009	7.09	7.51	7.53	7.44	7.39	3.25	1.25	4.25	0.0	0.0	8.34	
98	040098	HÀ MINH HIỆP	Nam	10/05/2010	5.71	5.75	5.78	5.9	5.79	1.50	0.25	3.50	0.0	0.0	5.41	Liệt
99	040099	ĐÀO VĂN HOÀI	Nam	02/12/2010	6	6.46	6.5	6.19	6.29	2.75	1.25	2.75	1.0	0.0	7.61	
100	040100	TRẦN KHAI HOÀNG	Nam	10/08/2010	7.55	7.31	6.75	6.83	7.11	4.25	2.50	8.00	0.0	0.0	12.46	
101	040101	VÕ KIM HOÀNG	Nữ	26/09/2010	9.18	9.49	9.39	9.46	9.38	8.00	8.00	8.00	0.0	0.0	19.61	
102	040102	NGUYỄN THÁI HÒA	Nam	20/09/2010	7.43	8	7.7	7.38	7.63	5.00	4.50	3.00	0.0	0.0	11.04	
103	040103	NGUYỄN VĂN HÒ	Nam	31/07/2009	6.98	6.01	6.09	6.03	6.28	3.50	0.50	2.00	0.0	0.0	6.08	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
104	040104	BÙI VĂN HỒ	Nam	15/04/2010	6.85	6.99	6.83	6.36	6.76	2.75	1.75	5.25	0.0	0.0	8.85	
105	040105	NGUYỄN THỊ BÍCH HỢP	Nữ	08/01/2010	8.51	7.94	8.31	8.65	8.35	6.75	4.25	3.25	0.0	0.0	12.48	
106	040106	HUỶNH GIA HUY	Nam	06/09/2010	6.75	6.68	6.53	6.16	6.53	1.75	2.25	4.00	0.0	0.0	7.56	
107	040107	HUỶNH HỒ NHẬT HUY	Nam	19/12/2010	8.86	8.94	8.41	8.44	8.66	5.25	5.00	6.50	0.0	0.0	14.32	
108	040108	LÊ MINH HUY	Nam	14/09/2010	6.38	6.54	6.98	7.1	6.75	6.25	2.75	4.75	0.0	0.0	11.65	
109	040109	MAI NHẬT HUY	Nam	08/01/2010	5.75	5.99	5.69	5.45	5.72	2.75	0.00	1.75	0.0	0.0	4.87	Liệt
110	040110	NGUYỄN ĐAN HUY	Nam	14/12/2010	8.38	8.65	8.25	8.1	8.35	6.50	6.00	7.00	0.0	0.0	16.16	
111	040111	NGUYỄN GIA HUY	Nam	20/12/2010	7.53	7.98	7.01	7	7.38	6.00	4.25	5.50	0.0	0.0	13.24	
112	040112	NGUYỄN GIA HUY	Nam	26/01/2010	6.46	6.86	7.48	7.64	7.11	6.00	5.75	3.50	0.0	0.0	12.81	
113	040113	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	Nam	12/03/2010	7.9	7.09	6.55	6.31	6.96	4.00	0.00	4.50	0.0	0.0	8.04	Liệt
114	040114	VÕ THẾ HUY	Nam	27/10/2010	8.4	8.24	8.25	8.5	8.35	6.25	7.00	7.25	0.0	0.0	16.86	
115	040115	LÊ HẠNH NGỌC HUYỀN	Nữ	18/01/2010	8.84	8.49	8.09	8.21	8.41	7.50	3.75	6.50	0.0	0.0	14.95	
116	040116	VÕ THỊ NHƯ HUỶNH	Nữ	18/06/2010	5.85	7.3	7.71	6.75	6.9	6.25	3.50	4.75	0.0	0.0	12.22	
117	040117	LƯƠNG MẠNH HÙNG	Nam	25/05/2010	7	6.36	6.58	6.93	6.72	3.50	1.50	3.00	0.0	0.0	7.62	
118	040118	LÊ MINH HÙNG	Nam	26/01/2010	5.69	6.19	6.43	6.08	6.1	3.00	1.50	3.25	0.0	0.0	7.26	
119	040119	HUỶNH THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	20/03/2010	7.3	6.14	6.54	7	6.75	5.25	3.75	1.25	0.0	0.0	9.20	
120	040120	LÊ THỊ VIỆT HƯƠNG	Nữ	11/04/2010	7.61	7.26	7.18	7.3	7.34	4.92	2.00	3.50	0.0	0.0	9.50	
121	040121	HUỶNH TẤN KHANG	Nam	19/08/2010	6.86	6.36	6.58	6.71	6.63	5.00	2.25	3.50	0.0	0.0	9.51	
122	040122	LÊ HOÀNG KHANG	Nam	14/04/2010	5.26	5.51	5.71	5.75	5.56	2.25	1.50	3.00	0.0	0.0	6.39	
123	040123	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	04/10/2010	6.15	5.93	6.35	6.48	6.23	3.50	3.50	5.00	0.0	0.0	10.27	
124	040124	NGUYỄN ĐÀO ANH KHANG	Nam	14/07/2010	7	7.03	7.04	6.56	6.91	4.25	2.75	5.00	0.0	0.0	10.47	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
125	040125	NGUYỄN HUỖNH TÂN KHANG	Nam	18/02/2010	7.46	7.56	7.53	7.66	7.55	4.25	2.50	3.75	0.0	0.0	9.62	
126	040126	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	13/05/2010	9.05	8.84	8.9	8.74	8.88	6.00	5.25	3.50	0.0	0.5	13.49	
127	040127	NGUYỄN NHẬT KHANG	Nam	26/01/2010	6.96	6.54	6.39	6.45	6.59	2.75	0.00	2.00	0.0	0.0	5.30	Liệt
128	040128	NGUYỄN THÁI KHANG	Nam	03/03/2010	8.09	8.78	9	8.86	8.68	5.75	5.00	8.25	0.0	0.0	15.90	
129	040129	VÕ VĂN KHANG	Nam	04/02/2010	5.6	6.08	5.69	5.7	5.77	4.50	1.00	2.75	0.0	0.0	7.51	
130	040130	LÊ KHÁNH	Nam	30/08/2010	6.58	7.25	8.35	8.64	7.71	7.50	7.00	8.50	0.0	0.0	18.41	
131	040131	LÊ NGÔ MINH KHÁNH	Nam	10/05/2010	7.35	7.65	6.86	6.91	7.19	4.25	3.50	2.50	0.0	0.0	9.33	
132	040132	LÊ NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	06/10/2010	5.71	6.24	5.49	6.04	5.87	4.25	1.25	2.00	0.0	0.0	7.01	
133	040133	VÂN THIÊN KHÁNH	Nữ	12/08/2010	6.58	7.21	6.61	6.74	6.79	4.75	1.75	3.75	0.0	0.0	9.21	
134	040134	NGUYỄN MINH KHẢI	Nam	27/05/2010	7.24	7.23	6.89	7.13	7.12	4.50	3.75	4.50	0.0	0.0	11.06	
135	040135	NHỮ VĂN KHẢI	Nam	10/11/2010	5.54	6.41	6.28	6.45	6.17	4.00	4.75	5.25	0.0	0.0	11.65	
136	040136	PHẠM HOÀNG KHẢI	Nam	24/06/2010	7.9	7.08	7.73	7.28	7.5	3.50	3.75	7.00	0.0	0.0	12.23	
137	040137	ĐỖ HOÀNG KHIÊM	Nam	03/01/2010	6.54	7.05	6.23	6.83	6.66	4.25	3.25	2.25	0.0	0.0	8.82	
138	040138	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	07/09/2010	7.49	8.05	7.56	7.09	7.55	5.50	4.00	5.25	0.0	0.0	12.59	
139	040139	PHẠM THỊ ANH KHOA	Nữ	07/04/2010	7.24	7.04	6.99	6.74	7	3.50	0.25	2.75	0.0	0.0	6.65	Liệt
140	040140	HỒ NGUYỄN CHÍ KIÊN	Nam	19/12/2010	7.23	6.68	6.73	6.16	6.7	4.75	3.00	3.75	0.0	0.0	10.06	
141	040141	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	07/02/2010	7.23	6.69	7.18	7.06	7.04	4.50	3.00	4.00	0.0	0.0	10.16	
142	040142	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	29/01/2010	7.28	7	6.48	6.6	6.84	4.50	3.50	2.00	0.0	0.0	9.05	
143	040143	TRẦN GIA KIÊN	Nam	23/12/2010	7.24	6.94	7.39	7.8	7.34	5.00	5.75	5.50	0.0	0.0	13.58	
144	040144	NGÔ THỊ DIỄM KIỀU	Nữ	24/01/2010	7.1	7.21	7.68	6.79	7.2	3.75	3.75	2.75	0.0	0.0	9.34	
145	040145	NGUYỄN THỊ NGỌC KIỀU	Nữ	12/06/2010	6.89	8.14	8.19	8.33	7.89	7.25	3.00	5.25	0.0	0.0	13.22	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
146	040146	LÊ TUẤN KIẾT	Nam	07/02/2010	7.58	6.98	7.44	7.46	7.37	6.00	4.50	2.25	0.0	0.0	11.14	
147	040147	NGUYỄN TRẦN ANH KIẾT	Nam	13/10/2010	7.73	8.56	8.85	8.78	8.48	6.25	6.00	6.00	0.0	0.0	15.32	
148	040148	TRƯƠNG ANH KIẾT	Nam	09/10/2010	5.04	5.54	6.13	5.93	5.66	4.25	2.50	5.75	0.0	0.0	10.45	
149	040149	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	Nữ	25/08/2010	8.1	7.31	7.66	8.06	7.78	6.50	4.75	3.50	0.0	1.5	14.16	
150	040150	PHẠM NGỌC THIÊN KIM	Nữ	19/02/2010	7.66	7.66	7.68	8.05	7.76	5.25	4.50	3.75	0.0	0.0	11.78	
151	040151	NGUYỄN THƯ KỶ	Nữ	24/02/2010	7.38	6.78	7.66	7.76	7.4	4.25	4.25	5.50	0.0	0.0	12.02	
152	040152	NGUYỄN HOÀNG TRÚC LAM	Nữ	08/02/2010	8.6	9	8.39	8.7	8.67	5.75	8.25	7.25	0.0	0.0	17.48	
153	040153	NGUYỄN THỊ TƯỜNG LAM	Nữ	09/12/2010	7.9	7.21	8.01	7.66	7.7	7.25	4.25	3.25	0.0	0.0	12.64	
154	040154	ĐINH THỊ LÀNH	Nữ	27/10/2010	8.05	8.23	7.86	8.14	8.07	7.25	4.25	3.25	0.0	0.0	12.75	
155	040155	MAI PHẠM HOÀNG LÂM	Nam	15/01/2010	6.58	6.63	6.58	6.73	6.63	5.50	2.50	2.50	0.0	0.0	9.34	
156	040156	NGUYỄN GIA LÂM	Nam	14/10/2010	7.35	7.26	6.73	6.81	7.04	6.00	4.50	2.75	0.0	0.0	11.39	
157	040157	NGUYỄN HOÀNG LÂM	Nam	21/07/2010	7.75	7.61	7.19	7.45	7.5	2.00	2.25	2.75	0.0	0.0	7.15	
158	040158	NGUYỄN THỊ TUYẾT LÊ	Nữ	28/09/2010	8.08	8.33	7.08	7.71	7.8	6.50	2.75	2.75	0.0	0.0	10.74	
159	040159	ĐÀO HÀ LINH	Nữ	02/07/2010	8.51	8.06	7.61	7.74	7.98	7.00	4.75	5.50	0.0	0.0	14.47	
160	040160	ĐỖ LÊ NGÂN LINH	Nữ	15/01/2010	7.68	8.49	8.43	8.03	8.16	5.00	3.50	2.75	0.0	0.0	10.32	
161	040161	HOÀNG NGỌC TUỆ LINH	Nữ	14/07/2010	6.93	7.53	7.66	8.06	7.55	6.00	7.00	5.50	0.0	0.0	15.22	
162	040162	PHAN YẾN LINH	Nữ	05/02/2010	8.75	8.69	8.54	8.26	8.56	7.00	6.50	5.50	0.0	0.0	15.87	
163	040163	THÁI DƯƠNG LINH	Nam	18/11/2010	6.44	7.06	6.85	6.84	6.8	3.75	1.50	3.00	0.0	0.0	7.82	
164	040164	HUỲNH CAO LĨNH	Nam	19/02/2010	6.85	6.89	7.25	6.59	6.9	7.00	3.25	3.25	0.0	0.0	11.52	
165	040165	HỒ NGỌC KIM LOAN	Nữ	08/12/2010	6.23	6.61	6.46	6.73	6.51	5.25	2.00	2.50	0.0	0.0	8.78	
166	040166	BÙI ĐẮC LONG	Nam	30/11/2010	8.25	8.76	8.68	8.79	8.62	6.00	6.75	6.25	0.0	0.0	15.89	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
167	040167	DƯƠNG THÀNH LONG	Nam	25/02/2010	7.65	7.43	7.3	7.21	7.4	4.75	5.00	2.25	0.0	0.0	10.62	
168	040168	HUỲNH BẢO LONG	Nam	29/01/2010	6.33	7.38	6.7	6.15	6.64	4.50	2.25	3.00	0.0	0.0	8.82	
169	040169	NGÔ HUỲNH LONG	Nam	30/09/2010	7.06	7.71	8	7.61	7.6	6.25	6.25	7.25	0.0	0.0	16.11	
170	040170	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG LONG	Nam	25/01/2010	7.96	8.49	7.34	7.86	7.91	3.75	4.75	5.00	0.0	0.0	11.82	
171	040171	NGUYỄN HUỲNH LONG	Nam	16/01/2010	5	5.84	6.3	6.01	5.79	3.25	2.75	3.00	0.0	0.0	8.04	
172	040172	NGUYỄN HỮU KIM LONG	Nam	02/09/2010	5.66	5.43	5.55	6	5.66	4.00	0.25	2.75	0.0	0.0	6.60	Liệt
173	040173	NGUYỄN TRẦN PHI LONG	Nam	05/01/2010	6.46	6.5	6.46	7.21	6.66	5.00	2.50	2.50	0.0	0.0	9.00	
174	040174	TRẦN THIÊN LONG	Nam	08/06/2009	6.8	7.53	7.56	7.75	7.41	5.00	4.75	3.25	0.0	0.0	11.32	
175	040175	NGUYỄN ĐỨC HIẾU LỘC	Nam	26/05/2010	7.38	6.81	7.76	7.58	7.38	6.50	2.75	3.75	0.0	0.0	11.31	
176	040176	NGUYỄN TÂN LỘC	Nam	05/11/2010	6.35	5.75	5.93	6.1	6.03	4.00	1.75	4.25	0.0	0.0	8.81	
177	040177	VÔ TÂN LỘC	Nam	17/12/2010	6.71	6.51	6.98	6.65	6.71	5.75	2.25	3.75	0.0	0.0	10.24	
178	040178	TRẦN BẢO LUÂN	Nam	16/10/2009	5.75	6.94	6.8	7.18	6.67	5.50	4.50	3.50	0.0	0.0	11.45	
179	040179	BÙI THỊ TRÚC LY	Nữ	07/04/2010	8.25	8.21	8.31	8.18	8.24	6.25	5.50	4.25	0.0	0.0	13.67	
180	040180	TRƯƠNG NGỌC TRÚC LY	Nữ	16/01/2010	8.25	8.76	8.61	8.05	8.42	6.75	4.75	5.25	0.0	0.0	14.25	
181	040181	NGUYỄN NGỌC XUÂN MAI	Nữ	26/06/2010	7.74	7.08	7.81	8.05	7.67	6.25	4.50	4.00	0.0	0.0	12.63	
182	040182	TRẦN LƯU TUYẾT MẶN	Nữ	24/12/2010	8.29	8.23	7.84	7.6	7.99	5.75	4.50	2.75	0.0	0.0	11.50	
183	040183	LÊ VĂN MINH	Nam	18/05/2010	6.7	6.91	7.1	6.5	6.8	3.25	3.50	3.25	0.0	0.0	9.04	
184	040184	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	Nữ	21/02/2010	7.38	7.65	7.7	7.4	7.53	5.75	2.50	3.25	0.0	0.0	10.31	
185	040185	PHÙNG QUANG MINH	Nam	13/02/2010	6.23	5.66	6.53	6.79	6.3	3.00	5.00	3.75	0.0	0.0	10.12	
186	040186	TRẦN CÔNG MINH	Nam	09/06/2010	8.61	8.6	8.58	8.49	8.57	7.25	6.50	7.75	0.0	0.0	17.62	
187	040187	DƯƠNG NGỌC TRÀ MY	Nữ	28/06/2010	7.4	7.68	7.04	6.81	7.23	4.25	3.00	2.75	0.0	0.0	9.17	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
188	040188	ĐẶNG NGỌC TRÀ MY	Nữ	07/09/2010	8.35	8.58	8.88	8.53	8.59	6.50	7.00	4.50	0.0	0.0	15.18	
189	040189	HUỲNH THỊ DIỄM MY	Nữ	29/03/2010	7.49	7.25	6.9	6.94	7.15	4.75	3.25	2.25	0.0	0.0	9.32	
190	040190	NGÔ THỊ TRÀ MY	Nữ	16/11/2010	7.61	7.54	7.48	7.76	7.6	5.75	4.75	3.50	0.0	0.0	12.08	
191	040191	NGUYỄN HÀ BẢO MY	Nữ	05/04/2010	6.59	7.05	7.1	7.13	6.97	4.25	0.25	5.00	0.0	0.0	8.74	Liệt
192	040192	NGUYỄN NGỌC DU MY	Nữ	25/05/2010	8.04	7.78	7.03	7	7.46	4.00	1.50	2.75	0.0	0.0	8.01	
193	040193	NGUYỄN NGỌC QUỲNH MY	Nữ	18/08/2010	5.73	5.58	5.45	6.86	5.91	3.25	3.00	2.50	0.0	0.0	7.90	
194	040194	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	10/07/2010	6.75	7.43	7.28	7.01	7.12	5.75	3.00	4.75	0.0	0.0	11.59	
195	040195	TRẦN NGỌC TUYẾT MY	Nữ	30/09/2010	8.96	8.73	9.11	8.89	8.92	7.50	4.50	5.75	0.0	0.0	15.10	
196	040196	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	08/01/2010	8.15	7.76	7.24	7.74	7.72	4.75	5.00	3.50	0.0	0.0	11.59	
197	040197	TỬ MINH NAM	Nam	10/09/2010	5.95	6.46	6.54	6.41	6.34	3.75	2.50	3.50	0.0	0.0	8.73	
198	040198	PHẠM THỊ THU NGA	Nữ	08/03/2010	6.7	5.98	7.34	7.85	6.97	3.50	4.75	4.00	0.0	0.0	10.67	
199	040199	VÕ LÊ NGỌC NGA	Nữ	08/07/2010	7.66	7.11	8	8.55	7.83	6.00	5.00	5.00	0.0	0.0	13.55	
200	040200	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	26/01/2010	8.03	7.34	7.54	6.94	7.46	6.75	2.50	4.00	0.0	0.0	11.51	
201	040201	NGUYỄN PHẠM NGỌC NGÂN	Nữ	05/05/2010	6.9	7.13	7.59	7.63	7.31	3.25	4.25	3.75	0.0	0.0	10.07	
202	040202	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	07/02/2010	7.08	6.66	6.44	6.8	6.75	3.50	0.00	2.25	0.0	0.0	6.05	Liệt
203	040203	BÙI THỊ HOÀNG NGHI	Nữ	04/01/2010	7.15	8.34	8.36	7.89	7.94	5.50	2.75	5.75	0.0	0.0	12.18	
204	040204	HUỲNH NGÔ MÃN NGHI	Nữ	01/04/2010	7.2	7.25	7.06	6.95	7.12	7.50	1.75	4.75	0.0	0.0	11.94	
205	040205	LÊ THỊ PHƯƠNG NGHI	Nữ	21/09/2010	7.89	8.13	7.88	8.39	8.07	6.75	6.50	5.00	0.0	0.0	15.20	
206	040206	NGUYỄN BẢO NGHI	Nữ	14/08/2010	7.63	7.2	7.3	7.51	7.41	5.25	2.75	6.75	0.0	0.0	12.55	
207	040207	NGUYỄN NGỌC NGHI	Nữ	01/09/2010	6.98	6.01	6.16	6.2	6.34	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.90	Liệt
208	040208	NGUYỄN NGỌC NHƯ NGHI	Nữ	05/05/2010	7.69	6.95	7.46	7.35	7.36	6.50	3.50	4.00	0.0	0.0	12.01	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
209	040209	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	Nam	18/09/2010	5.56	5.85	6.15	5.75	5.83	3.50	1.50	3.00	0.0	0.0	7.35	
210	040210	NGUYỄN TRÍ NGHĨA	Nam	18/07/2010	6.19	7.8	7.96	7.8	7.44	4.75	3.25	3.75	0.0	0.0	10.46	
211	040211	CAO YẾN NGỌC	Nữ	11/07/2010	7.93	7.96	8.59	7.85	8.08	4.50	4.25	5.00	0.0	0.0	12.05	
212	040212	DƯƠNG BẢO NGỌC	Nữ	13/06/2010	8.13	8.74	8.96	9	8.71	7.75	4.75	5.00	0.0	0.0	14.86	
213	040213	ĐỖ THỊ HOÀNG NGỌC	Nữ	19/11/2010	7.69	7.95	8.05	8.4	8.02	7.50	5.75	6.50	0.0	0.0	16.23	
214	040214	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	23/02/2010	7.48	7.14	7.19	7.41	7.31	4.50	3.00	4.50	0.0	0.0	10.59	
215	040215	LÊ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	17/09/2010	8.31	8.94	8.81	9.05	8.78	7.50	6.75	6.75	0.0	0.0	17.33	
216	040216	LƯƠNG THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	04/02/2010	6.06	5.81	6.31	6.99	6.29	4.75	3.75	3.50	0.0	0.0	10.29	
217	040217	MÃ TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	03/07/2010	7.9	7.98	7.83	7.31	7.76	5.00	1.75	3.75	0.0	0.0	9.68	
218	040218	NGÔ LÊ KHÁNH NGỌC	Nữ	28/12/2010	8.38	8.56	8.66	8.38	8.5	6.25	4.75	5.25	0.0	0.0	13.93	
219	040219	NGUYỄN HOA HỒNG NGỌC	Nữ	08/05/2010	6.28	5.91	5.79	6.04	6.01	1.50	0.75	2.25	0.0	0.0	4.95	Liệt
220	040220	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	Nữ	15/01/2010	7.43	7.01	7.1	6.73	7.07	3.75	2.00	3.50	0.0	0.0	8.60	
221	040221	NGUYỄN THỊ THẢO NGỌC	Nữ	24/10/2010	7.08	7.24	6.73	7.26	7.08	6.50	3.00	4.25	0.0	0.0	11.75	
222	040222	PHAN THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	26/02/2010	6.5	6.23	6.53	6.98	6.56	4.75	1.75	4.00	0.0	0.0	9.32	
223	040223	TRẦN THỊ KIM NGỌC	Nữ	26/01/2010	7.59	7.98	7.5	7.69	7.69	6.75	3.75	3.75	0.0	0.0	12.28	
224	040224	VÔ THỊ MINH NGỌC	Nữ	27/04/2010	7.94	8.35	8.75	7.79	8.21	6.50	2.50	5.75	0.0	0.0	12.79	
225	040225	DƯƠNG THỊ KIM NGUYỄN	Nữ	17/12/2010	7.11	7.43	7.98	8.21	7.68	7.00	6.25	5.25	0.0	0.0	15.25	
226	040226	NGUYỄN TÙNG NGUYỄN	Nam	27/07/2010	6.74	6.96	7.48	6.81	7	2.75	2.25	4.00	0.0	0.0	8.40	
227	040227	THẠCH NGỌC THẢO NGUYỄN	Nữ	16/08/2010	6.93	6.9	7.35	7.69	7.22	6.25	4.50	2.25	0.0	0.0	11.27	
228	040228	VÔ ĐẶNG PHÚC NGUYỄN	Nam	13/01/2010	7.56	7.06	7.45	7.18	7.31	2.25	3.75	7.25	0.0	0.0	11.47	
229	040229	VÔ THỊ THU NGUYỄN	Nữ	17/04/2010	6.74	6.53	6.88	6.86	6.75	4.50	1.75	3.00	0.0	0.0	8.50	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
230	040230	ĐẶNG THÀNH NHÂN	Nam	18/06/2010	6.2	6.16	6.88	6.94	6.55	3.50	2.50	4.50	0.0	0.0	9.32	
231	040231	HÀ NGUYỄN THÀNH NHÂN	Nam	07/07/2010	6.53	7.36	7.44	7	7.08	6.75	3.00	2.75	0.0	0.0	10.87	
232	040232	HUỲNH MINH NHÂN	Nam	26/12/2010	6.7	7.08	7.65	7.86	7.32	6.50	5.25	4.25	0.0	0.0	13.40	
233	040233	KHUU TRÍ NHÂN	Nam	14/03/2010	6.78	7.03	6.79	7.26	6.97	3.50	2.00	3.00	0.0	0.0	8.04	
234	040234	LÂM QUANG NHÂN	Nam	25/06/2010	6.38	6.75	6.4	6.79	6.58	5.75	2.50	2.25	0.0	0.0	9.32	
235	040235	NGUYỄN BÁCH NHẬT	Nam	04/11/2010	7.96	7.09	6.98	7.31	7.34	4.00	5.75	5.00	0.0	0.0	12.53	
236	040236	ĐỖ THỊ YẾN NHI	Nữ	15/08/2010	6.76	6.71	5.99	6.29	6.44	4.25	2.00	3.75	0.0	0.0	8.93	
237	040237	LÊ THỊ ĐÔNG NHI	Nữ	26/09/2010	6.79	6.91	7.25	7.31	7.07	4.75	4.50	3.50	0.0	0.0	11.05	
238	040238	LÝ BẢO NHI	Nữ	01/10/2010	7.79	7.55	7.89	7.76	7.75	4.75	6.25	3.00	1.0	0.0	13.13	
239	040239	NGUYỄN LÊ YẾN NHI	Nữ	17/09/2010	8.46	8.34	8.63	8.75	8.55	6.75	5.75	8.50	0.0	0.0	17.27	
240	040240	NGUYỄN THỊ ÁNH NHI	Nữ	08/12/2010	6.99	6.88	6.94	7.33	7.04	6.50	3.25	3.50	0.0	0.0	11.39	
241	040241	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	10/09/2010	8.35	7.05	7.81	7.71	7.73	5.25	3.75	3.00	0.0	0.0	10.72	
242	040242	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	11/06/2010	7.88	7.79	8.63	8.63	8.23	7.00	7.00	5.75	0.0	0.0	16.29	
243	040243	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	18/03/2010	6.34	7	7.28	6.79	6.85	4.00	0.00	5.50	0.0	0.0	8.71	Liệt
244	040244	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	20/07/2010	7.01	6.7	6.68	6.88	6.82	5.25	1.25	4.75	0.0	0.0	9.92	
245	040245	NGUYỄN VÕ YẾN NHI	Nữ	16/03/2010	6.36	7.16	6.75	6.89	6.79	6.00	3.00	3.00	0.0	0.0	10.44	
246	040246	NGUYỄN VŨ YẾN NHI	Nữ	03/09/2010	7.28	7.46	7.95	7.28	7.49	4.75	2.75	4.25	0.0	0.0	10.47	
247	040247	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	15/03/2010	7.03	7.06	7.78	7.35	7.31	5.00	3.75	3.50	0.0	0.0	10.77	
248	040248	NGÔ THỊ CẨM NHUNG	Nữ	15/06/2010	8.53	8.51	8.43	8.63	8.53	6.50	4.50	7.25	0.0	0.5	15.83	
249	040249	ĐẶNG NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	10/10/2010	7.3	6.46	7.64	8.09	7.37	5.75	3.25	7.00	0.0	0.0	13.41	
250	040250	ĐẶNG THỊ TUYẾT NHƯ	Nữ	02/01/2010	9.01	9.14	9.31	9.34	9.2	8.25	7.25	7.75	0.0	0.0	19.04	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
251	040251	HÀ NGUYỄN HỒNG NHƯ	Nữ	07/07/2010	7.73	7.73	8.36	8.59	8.1	8.00	5.75	4.50	0.0	0.0	15.21	
252	040252	HUỠNH NGỌC AN NHƯ	Nữ	08/01/2010	9.14	8.96	8.73	8.54	8.84	4.50	5.50	5.50	0.0	0.0	13.50	
253	040253	NGUYỄN HỒNG NGỌC NHƯ	Nữ	30/03/2010	9.23	9.65	9.66	9.45	9.5	8.00	8.25	7.75	0.0	0.0	19.65	
254	040254	NGUYỄN NGỌC BẢO NHƯ	Nữ	26/04/2010	7.8	8.85	8.7	8.16	8.38	4.25	5.50	4.00	0.0	0.0	12.14	
255	040255	NGUYỄN NGỌC Ý NHƯ	Nữ	04/01/2010	7.98	7.96	8.86	8.5	8.33	6.75	5.75	4.50	0.0	0.0	14.40	
256	040256	PHAN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	27/06/2010	8.73	9.03	8.89	8.9	8.89	7.50	4.50	5.75	0.0	0.0	15.09	
257	040257	PHẠM NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	05/06/2010	8.36	7.94	7.36	7.49	7.79	5.75	2.50	3.75	0.0	0.0	10.74	
258	040258	TRẦN LÝ THẢO NHƯ	Nữ	25/02/2010	7.88	8.2	8.44	8.2	8.18	4.50	3.25	5.25	0.0	0.0	11.55	
259	040259	TRƯƠNG TÂM NHƯ	Nữ	06/09/2010	7.64	7.41	7.5	7.51	7.52	5.75	2.25	3.00	0.0	0.0	9.96	
260	040260	VÕ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	25/01/2010	6.91	6.84	7.68	7.64	7.27	6.00	3.75	3.00	0.0	0.0	11.11	
261	040261	BÙI TRẦN ĐỨC PHÁT	Nam	24/11/2010	6.44	6.79	6.73	6.79	6.69	5.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.71	
262	040262	DƯƠNG TÂN PHÁT	Nam	03/10/2010	5.63	6.24	6.59	6.29	6.19	5.00	3.50	2.25	0.0	0.0	9.38	
263	040263	ĐẶNG NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	30/03/2010	5.98	6.81	6.4	7.25	6.61	6.00	3.50	5.75	0.0	0.0	12.66	
264	040264	HOÀNG GIA PHÁT	Nam	27/02/2010	7.51	7.33	7.49	7.3	7.41	6.00	3.50	4.00	0.0	0.0	11.67	
265	040265	HUỠNH TIẾN PHÁT	Nam	12/11/2010	6.83	6.71	6.5	6.56	6.65	4.75	1.50	4.50	0.0	0.0	9.52	
266	040266	LÊ HOÀNG TÂN PHÁT	Nam	12/01/2010	6.03	6.74	6.26	6.38	6.35	4.25	1.50	2.75	0.0	0.0	7.86	
267	040267	NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	30/03/2010	7.25	7.3	6.94	6.64	7.03	5.25	2.50	3.75	0.0	0.0	10.16	
268	040268	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	25/08/2010	7.11	6.8	8.11	8.6	7.66	4.25	5.50	8.25	0.0	0.0	14.90	
269	040269	PHẠM TIẾN PHÁT	Nam	31/05/2010	7.59	7.61	8.03	8.04	7.82	5.25	5.75	6.75	0.0	0.0	14.77	
270	040270	ĐINH HOÀNG PHI	Nam	01/07/2010	6.16	6.26	6.83	6.25	6.38	5.25	2.50	4.00	0.0	0.0	10.14	
271	040271	LÊ HOÀNG PHI	Nam	06/12/2010	5.43	5.14	6.4	6.74	5.93	2.75	3.00	2.75	0.0	0.0	7.73	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
272	040272	LÊ VIỆT PHI	Nam	08/04/2010	7.99	7.59	7.89	7.76	7.81	5.25	2.75	6.25	0.0	0.0	12.32	
273	040273	HUỖNH TẤN PHONG	Nam	24/06/2010	6.16	6.75	6.49	6.24	6.41	4.50	1.00	2.00	0.0	0.0	7.17	
274	040274	LÊ HỒ THÁI PHONG	Nam	14/03/2010	6.78	6.65	6.54	6.78	6.69	3.25	1.50	2.50	0.0	0.0	7.08	
275	040275	LÊ THANH PHONG	Nam	01/09/2010	6.46	6.29	6.3	6.28	6.33	4.00	2.25	4.00	0.0	0.0	9.07	
276	040276	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	27/04/2010	5.68	6.04	6.13	5.75	5.9	4.50	1.00	1.75	0.0	0.0	6.85	
277	040277	TRẦN NGUYỄN HOÀI PHONG	Nam	08/02/2010	5.96	6.09	5.6	5.73	5.85	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.76	Liệt
278	040278	LƯƠNG VĨNH PHÚ	Nam	02/11/2010	8.88	9.15	9.23	9.05	9.08	6.00	8.75	8.75	0.0	0.0	19.17	
279	040279	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚ	Nam	21/10/2010	8.09	8.41	8.6	8.7	8.45	7.25	7.75	7.25	0.0	0.0	18.11	
280	040280	NGUYỄN VĂN PHÚ	Nam	03/11/2010	6.96	5.89	5.85	5.4	6.03	1.75	0.25	2.00	0.0	0.0	4.61	Liệt
281	040281	VÕ TRẦN TRIỆU PHÚ	Nam	31/03/2010	5.84	6.48	6.36	6.2	6.22	3.75	2.50	3.25	0.0	0.0	8.52	
282	040282	LƯU GIA PHÚC	Nam	03/04/2010	5.96	6.23	6.19	6.39	6.19	2.00	0.25	3.75	0.0	0.0	6.06	Liệt
283	040283	NGUYỄN GIA PHÚC	Nam	01/03/2010	6.9	6.89	6.58	6.96	6.83	5.50	3.25	6.50	0.0	0.0	12.72	
284	040284	PHAN NGỌC HỒNG PHÚC	Nữ	01/03/2010	7.43	6.7	6.74	6.88	6.94	4.75	4.00	2.50	0.0	0.0	9.96	
285	040285	PHẠM THỊ NHƯ PHÚC	Nữ	10/01/2010	8.81	8.69	8.69	7.98	8.54	5.25	4.25	8.25	0.0	0.0	14.99	
286	040286	TRƯƠNG HOÀNG PHÚC	Nam	04/05/2010	7.73	7.38	7.34	7.91	7.59	5.75	6.25	3.25	0.0	0.0	12.95	
287	040287	TRƯƠNG HỮU PHÚC	Nam	01/09/2010	7.4	7.71	6.84	7.18	7.28	6.00	1.50	4.75	0.0	0.0	10.76	
288	040288	NGUYỄN VĂN PHỤNG	Nam	06/11/2008	6.11	6.54	6.39	6.54	6.4	5.75	2.75	4.50	0.0	0.0	11.02	
289	040289	DƯƠNG DUY PHƯƠNG	Nam	13/12/2010	5.38	5.13	5.49	5.44	5.36	1.25	1.25	3.00	0.0	0.0	5.46	
290	040290	HUỖNH VĂN HỮU PHƯỚC	Nam	17/10/2010	6.4	6.36	6.29	6.1	6.29	3.00	1.50	3.00	0.0	0.0	7.14	
291	040291	LÊ MINH PHƯỚC	Nam	19/09/2010	7.44	7.9	8.28	8.26	7.97	7.00	6.00	4.25	0.0	0.0	14.47	
292	040292	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	30/12/2010	5.63	5.56	5.75	5.44	5.6	4.00	1.75	4.25	0.0	0.0	8.68	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
293	040293	TRẦN HOÀNG QUÂN	Nam	08/06/2009	5.46	5.66	5.69	5.84	5.66	3.50	0.75	2.50	0.0	0.0	6.42	Liệt
294	040294	TRẦN LẬP QUỐC	Nam	20/08/2010	8.08	8.28	8.66	8.51	8.38	7.50	2.25	6.00	0.0	0.0	13.54	
295	040295	LẠI THỊ PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	19/09/2010	7.63	6.89	7.14	7.18	7.21	4.50	3.75	1.75	0.0	0.0	9.16	
296	040296	LÊ ĐỖ QUYÊN	Nữ	19/04/2010	7.51	8.4	8.39	8.3	8.15	7.25	3.00	4.75	0.0	0.0	12.95	
297	040297	LÊ ĐỖ MỸ QUYÊN	Nữ	22/07/2010	6.69	6.71	5.99	6.05	6.36	6.00	3.25	3.50	0.0	0.0	10.83	
298	040298	LÊ THỊ MỸ QUYÊN	Nữ	01/08/2010	7.73	8.15	7.58	7.9	7.84	6.25	3.50	3.75	0.0	0.0	11.80	
299	040299	NGUYỄN HÀ THẢO QUYÊN	Nữ	02/02/2010	7.8	7.68	6.9	7.1	7.37	6.00	4.00	5.50	0.0	0.0	13.06	
300	040300	NGUYỄN KHÁNH QUYÊN	Nữ	10/07/2010	8.73	8.56	8.85	8.41	8.64	5.75	4.25	5.00	0.0	0.0	13.09	
301	040301	NGUYỄN NGỌC KIM QUYÊN	Nữ	31/03/2010	6.93	7.49	8.03	7.79	7.56	4.00	3.75	4.50	0.0	0.0	10.84	
302	040302	THÁI ĐOÀN PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	01/06/2010	6.96	7.05	6.66	6.84	6.88	4.50	0.25	3.75	0.0	0.0	8.01	Liệt
303	040303	LÊ PHẠM HỒNG QUỲNH	Nữ	05/04/2010	7.85	8.35	8.33	8.11	8.16	6.50	5.00	3.75	0.0	0.0	13.12	
304	040304	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	29/06/2010	6.84	7.35	7.79	8.15	7.53	5.00	2.75	3.50	0.0	0.0	10.13	
305	040305	NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲNH	Nữ	02/02/2010	8.58	8.64	8.25	7.93	8.35	6.58	1.75	6.00	0.0	0.0	12.54	
306	040306	NGUYỄN THỊ YÊN QUỲNH	Nữ	13/02/2010	6.16	6.16	6.69	6.6	6.4	5.75	2.75	4.25	0.0	0.0	10.85	
307	040307	ĐỖ MINH QUÝ	Nam	23/06/2010	7.18	7.99	7.46	7.41	7.51	6.00	3.00	5.25	0.0	0.0	12.23	
308	040308	PHẠM MINH QUÝ	Nam	26/06/2010	8.41	7.7	6.8	6.55	7.37	3.67	1.00	2.50	0.0	0.0	7.23	
309	040309	TRẦN PHÚ QUÝ	Nam	16/04/2010	5.83	6.7	6.53	6.85	6.48	4.92	0.00	4.50	0.0	0.0	8.54	Liệt
310	040310	HUỲNH NGỌC SANG	Nữ	14/03/2010	8.43	8.34	8.4	8.31	8.37	6.50	5.25	5.50	0.0	0.0	14.59	
311	040311	PHẠM MINH SANG	Nam	09/05/2010	6.79	7.09	6.5	7.01	6.85	4.25	3.00	4.00	0.0	0.0	9.93	
312	040312	ĐẶNG TÂN TÀI	Nam	26/02/2010	6.66	6.59	6.05	6.25	6.39	3.00	2.00	2.50	1.5	0.0	8.67	
313	040313	LÊ PHÁT TÀI	Nam	03/06/2010	6.76	8.16	8.44	7.89	7.81	5.75	5.00	4.25	0.0	0.0	12.84	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
314	040314	LƯU VĂN TÀI	Nam	04/11/2010	8.53	7.21	7.16	6.81	7.43	3.50	2.25	4.50	0.0	0.0	9.40	
315	040315	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	28/02/2010	7.46	7.01	7.36	7.19	7.26	5.00	1.00	3.75	0.0	0.0	9.00	
316	040316	PHẠM THÀNH TÀI	Nam	06/11/2010	7.34	7.45	7.33	7.21	7.33	4.25	1.00	4.50	0.0	0.0	9.02	
317	040317	ĐINH NGUYỄN TUỆ TÂM	Nữ	04/05/2010	6.78	7.05	7.49	7.59	7.23	4.92	2.00	3.75	0.0	0.0	9.64	
318	040318	HỒ THỊ TÂM	Nữ	12/06/2010	5.96	6.56	6.89	6.74	6.54	5.67	1.75	3.00	0.0	0.0	9.26	
319	040319	LÝ ĐỖ THANH TÂM	Nam	02/04/2010	6.54	6.78	7.33	6.65	6.83	4.83	2.50	4.00	0.0	0.0	9.98	
320	040320	NGUYỄN THIỆN TÂM	Nam	08/04/2010	6.99	7.34	7.09	7.05	7.12	3.50	2.75	2.25	0.0	0.0	8.09	
321	040321	DƯƠNG MINH TÂN	Nam	27/10/2010	6.33	6.1	6.74	6.75	6.48	4.50	2.25	2.25	0.0	0.0	8.24	
322	040322	NGUYỄN THANH TÂN	Nam	12/01/2010	7.5	7.11	6.6	6.86	7.02	1.50	3.00	2.25	0.0	0.0	6.83	
323	040323	VÕ MINH TÂN	Nam	01/04/2010	7.59	7.78	8.53	8.41	8.08	7.75	5.25	7.00	0.0	0.0	16.42	
324	040324	NGÔ HOÀNG THÁI	Nam	15/03/2010	7.38	7.01	7.56	7.71	7.42	6.00	4.50	3.50	0.0	0.0	12.03	
325	040325	NGUYỄN QUỐC THÁI	Nam	12/11/2010	7.13	6.83	7.26	6.96	7.05	5.75	2.50	5.50	0.0	0.0	11.74	
326	040326	VÕ VĂN THÁI	Nam	08/06/2010	7.06	7.19	7.34	7.19	7.2	6.75	4.00	4.25	0.0	0.0	12.66	
327	040327	THÁI HOA HỒNG THẨM	Nữ	29/08/2010	7.36	7.78	7.66	6.98	7.45	5.00	2.50	3.25	0.0	0.0	9.76	
328	040328	TRẦN THANH THẮNG	Nam	02/09/2010	6.06	6.91	6.6	6.95	6.63	5.25	3.00	4.00	0.0	0.0	10.56	
329	040329	HUỲNH THANH THIÊN	Nam	24/04/2010	5.95	5.74	5.79	6.26	5.94	3.50	2.00	4.00	0.0	0.0	8.43	
330	040330	NGUYỄN CHÍ THIỆN	Nam	11/02/2010	5.71	6.29	6.49	6.66	6.29	4.75	1.50	5.00	0.0	0.0	9.76	
331	040331	VÕ THỊ NHƯ THIỆN	Nữ	07/03/2010	6.78	7.48	6.49	6.74	6.87	5.50	2.50	4.25	0.0	0.0	10.64	
332	040332	HOÀNG PHÚC THỊNH	Nam	04/04/2010	8.86	8.83	8.91	8.43	8.76	7.00	7.00	8.00	0.0	0.0	18.03	
333	040333	NGUYỄN HÙNG THỊNH	Nam	09/06/2010	5.81	6.08	5.59	5.85	5.83	3.17	1.75	4.00	0.0	0.0	7.99	
334	040334	BÙI THỊ NGỌC THOẠI	Nữ	27/04/2010	6.68	6.84	6.63	6.5	6.66	5.75	1.75	3.00	0.0	0.0	9.35	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
335	040335	LÊ THỊ KIM THOẠI	Nữ	25/06/2010	8.68	8.01	8.35	7.95	8.25	4.50	4.75	7.00	0.0	0.0	13.85	
336	040336	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	17/02/2010	7.7	8.1	7.81	7.71	7.83	5.33	5.50	6.75	0.0	0.0	14.66	
337	040337	LÊ THUYẾT	Nữ	16/03/2010	8.98	8.76	8.99	8.83	8.89	7.25	5.00	4.00	0.0	0.0	14.04	
338	040338	DƯƠNG ĐAN THUỶ	Nữ	01/05/2010	7.81	8.2	8.4	8.2	8.15	6.75	5.25	6.00	0.0	0.0	15.05	
339	040339	NGUYỄN THỊ THANH THUỶ	Nữ	22/01/2010	8.49	8.84	8.99	8.95	8.82	6.50	6.25	3.25	0.0	0.0	13.85	
340	040340	LÊ THỊ MỘNG THỦY	Nữ	25/08/2010	7.06	7.53	7.91	7.88	7.6	5.25	5.75	6.75	0.0	0.0	14.71	
341	040341	PHẠM THỊ PHƯƠNG THỦY	Nữ	31/10/2010	7.54	7.59	6.99	7.26	7.35	5.25	2.50	3.00	0.0	0.0	9.73	
342	040342	ĐÀO ANH THƯ	Nữ	23/07/2010	7.8	7.91	7.98	7.9	7.9	6.25	5.75	5.25	0.0	0.0	14.45	
343	040343	HỒ ANH THƯ	Nữ	29/03/2010	6.51	6.58	6.43	6.78	6.58	4.00	2.75	2.50	0.0	0.0	8.45	
344	040344	LÊ THỊ ANH THƯ	Nữ	03/06/2010	8.29	8.7	8.7	8.14	8.46	7.00	4.75	4.50	0.0	0.0	13.91	
345	040345	NGÔ MINH THƯ	Nữ	04/02/2010	9.23	9.21	9.36	8.98	9.2	7.75	6.25	5.25	0.0	0.0	16.24	
346	040346	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	Nữ	17/09/2010	7	6.88	6.79	6.68	6.84	4.25	3.75	2.75	0.0	0.0	9.58	
347	040347	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	01/01/2010	7.95	8.04	8.16	8.19	8.09	7.00	4.00	2.75	0.0	0.0	12.05	
348	040348	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	03/10/2010	5.99	5.98	5.68	6.08	5.93	4.50	0.00	3.00	0.0	0.0	7.03	Liệt
349	040349	TRẦN ANH THƯ	Nữ	09/07/2009	6.4	6.6	6.31	6.83	6.54	6.25	3.00	3.00	0.0	0.0	10.54	
350	040350	TRẦN THỊ ANH THƯ	Nữ	28/05/2010	6.79	7.21	7.21	7.26	7.12	5.25	3.50	3.25	0.0	0.0	10.54	
351	040351	VÕ THỊ ANH THƯ	Nữ	16/11/2010	8.25	8.23	8.24	8.06	8.2	5.00	3.75	5.00	0.0	0.0	12.09	
352	040352	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	16/08/2010	8.39	8.85	8.85	9.11	8.8	9.00	5.75	6.00	0.0	0.0	17.17	
353	040353	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	Nữ	10/09/2010	9.33	8.7	9.28	8.99	9.08	6.50	6.50	5.50	0.0	0.0	15.67	
354	040354	TRẦN THỊ BẢO THY	Nữ	20/12/2010	8.34	8.2	8.2	8.35	8.27	5.75	5.00	4.25	0.0	0.0	12.98	
355	040355	PHẠM THỊ CẨM TIỀN	Nữ	26/08/2009	7.24	7.53	7.76	7.13	7.42	4.00	2.50	3.25	0.0	0.0	9.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
356	040356	TRẦN THỊ MỸ TIỀN	Nữ	10/06/2010	7.04	8.24	8.38	8.14	7.95	5.75	3.75	4.00	0.0	0.0	11.84	
357	040357	ĐẶNG THỊ BÍCH TIỀN	Nữ	01/10/2010	7.35	6.91	7.3	7.65	7.3	3.25	2.00	5.25	0.0	0.0	9.54	
358	040358	TRẦN MINH TIỀN	Nam	03/09/2010	5.3	6.34	6.16	6.44	6.06	2.50	2.50	3.00	0.0	0.0	7.42	
359	040359	PHẠM GIA TIỀN	Nam	19/01/2010	6.85	7.44	7.75	7.24	7.32	6.00	4.00	7.00	0.0	0.0	14.10	
360	040360	THÁI THOẠI TIẾT	Nam	16/12/2010	7.08	7.35	7.34	7.25	7.26	5.00	6.75	5.00	0.0	0.0	13.90	
361	040361	VÕ THÀNH TÍNH	Nam	29/10/2010	6.33	7.03	6.31	6.38	6.51	4.33	1.75	2.00	0.0	0.0	7.61	
362	040362	NGUYỄN NGỌC KIỀU TRANG	Nữ	21/05/2010	7.48	7.76	7.75	7.41	7.6	6.75	1.50	4.00	0.0	0.0	10.86	
363	040363	NGUYỄN THẢO TRANG	Nữ	22/11/2010	8.61	8.9	8.9	8.39	8.7	7.25	3.00	5.50	0.0	0.0	13.64	
364	040364	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	24/02/2010	8	8.43	8.73	8	8.29	5.25	4.75	4.75	0.0	0.0	12.81	
365	040365	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	02/10/2010	6.94	7.45	6.69	6.89	6.99	5.50	2.25	2.50	0.0	0.0	9.27	
366	040366	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRÂM	Nữ	31/08/2010	7.04	6.66	6.99	7.59	7.07	6.50	2.50	3.25	0.0	0.0	10.70	
367	040367	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	28/07/2010	7.89	8.04	6.98	7.71	7.66	5.75	3.25	5.25	0.0	0.0	12.27	
368	040368	VÕ NGỌC QUỲNH TRÂM	Nữ	09/08/2010	7.03	7.25	6.9	6.73	6.98	7.25	2.00	2.50	0.0	0.0	10.32	
369	040369	LÊ THỊ QUẾ TRÂN	Nữ	06/08/2010	6.13	6.78	6.34	6.41	6.42	4.00	3.50	3.00	0.0	0.0	9.28	
370	040370	PHAN THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	06/12/2010	6.75	7.09	6.86	6.93	6.91	6.25	1.00	3.00	0.0	0.0	9.25	
371	040371	PHẠM THỊ QUẾ TRÂN	Nữ	13/08/2010	7.3	7.58	7.36	7.68	7.48	6.50	3.00	4.25	0.0	0.0	11.87	
372	040372	TÔ THỊ BẢO TRÂN	Nữ	17/12/2010	8	8.15	8.81	8.9	8.47	6.75	7.25	5.75	0.0	0.0	16.37	
373	040373	VÕ PHẠM QUẾ TRÂN	Nữ	31/08/2010	7.55	7.36	7.79	8.05	7.69	6.25	5.75	6.50	0.0	0.0	15.26	
374	040374	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	17/02/2010	7.89	7.65	7.13	7.78	7.61	2.25	5.50	7.50	0.0	0.0	12.96	
375	040375	LÂM TUYẾT TRINH	Nữ	11/01/2010	6.7	7.25	7.15	7.44	7.14	4.50	6.25	5.75	0.0	0.0	13.69	
376	040376	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	10/11/2010	5.6	5.95	5.89	5.86	5.83	3.75	0.00	4.75	0.0	0.0	7.70	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
377	040377	NGUYỄN THANH TRUNG	Nam	03/12/2009	6.16	5.98	5.66	5.34	5.79	3.25	0.25	2.25	0.0	0.0	5.76	Liệt
378	040378	VÕ THÀNH TRUNG	Nam	21/03/2010	6.75	6.89	7.13	6.56	6.83	5.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.75	
379	040379	HUỖNH THANH TRÚC	Nữ	09/01/2010	7.5	7.8	7.79	8	7.77	8.25	4.25	3.25	0.0	0.0	13.36	
380	040380	LÊ THỊ THANH TRÚC	Nữ	18/11/2010	7.66	7.38	7.83	7.5	7.59	4.25	2.00	3.75	0.0	0.0	9.28	
381	040381	NGUYỄN LÊ THANH TRÚC	Nữ	29/09/2010	8.3	8.58	7.91	8.29	8.27	6.00	4.25	4.75	0.0	0.0	12.98	
382	040382	TRẦN THỊ THANH TRÚC	Nữ	20/11/2010	6.69	5.69	6.49	6.21	6.27	5.25	2.00	5.00	0.0	0.0	10.46	
383	040383	PHẠM LÝ THANH TUẤN	Nam	18/09/2009	6.4	7.38	7.74	7.59	7.28	5.00	2.00	4.00	0.0	0.0	9.88	
384	040384	TRÀ TRẦN ANH TUẤN	Nam	22/12/2010	7.71	8.23	8.7	8.74	8.35	6.25	6.75	9.00	0.0	0.0	17.91	
385	040385	BÙI NGUYỄN THANH TUYỀN	Nữ	12/01/2010	8.09	8.36	8.51	8.49	8.36	5.75	4.00	5.25	0.0	0.0	13.01	
386	040386	LÊ THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	01/01/2010	6.33	7.3	6.98	6.45	6.77	6.50	2.50	4.50	0.0	0.0	11.48	
387	040387	MAI BÍCH TUYỀN	Nữ	01/03/2010	8.55	8.48	8.43	8.7	8.54	7.00	5.75	5.50	0.0	0.0	15.34	
388	040388	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	03/02/2010	8.61	8.63	8.4	8.24	8.47	4.75	4.00	3.00	0.0	0.0	10.77	
389	040389	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	01/12/2010	8.05	8.6	8.81	8.59	8.51	6.25	4.00	6.25	0.0	0.0	14.10	
390	040390	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	19/09/2010	7.81	8.44	8.43	8.43	8.28	6.00	6.00	3.75	0.0	0.0	13.51	
391	040391	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	07/01/2010	6.26	6.06	6.5	6.7	6.38	4.50	4.25	2.00	0.0	0.0	9.44	
392	040392	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	Nữ	04/07/2010	5.7	6.4	6.71	7.16	6.49	3.50	2.50	2.50	0.0	0.0	7.90	
393	040393	ĐÀM LÊ HỒNG TUYẾT	Nữ	08/11/2010	8.48	8.33	7.85	8.08	8.19	4.75	4.75	5.25	0.0	0.0	12.78	
394	040394	THÁI NHƯ TUYẾT	Nữ	07/02/2010	8.93	8.6	8.94	8.56	8.76	5.50	5.50	6.50	0.0	0.0	14.88	
395	040395	LŨ THANH TÙNG	Nam	27/03/2010	6.76	6.6	6.48	6.56	6.6	3.50	2.50	2.00	0.0	0.0	7.58	
396	040396	ĐẶNG NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	31/07/2010	7.88	7.39	7.19	7.26	7.43	4.50	3.50	4.25	0.0	0.0	10.80	
397	040397	LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	26/09/2010	7.24	7.58	7.44	7.53	7.45	6.75	5.25	3.50	0.0	0.0	13.09	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
398	040398	PHẠM HUỠNH BẢO UYÊN	Nữ	31/07/2010	7.08	6.49	7.08	6.49	6.79	3.75	4.50	4.25	0.0	0.0	10.79	
399	040399	TRÀ LÝ THỂ UYÊN	Nữ	05/01/2010	7.69	8.1	8.04	8.51	8.09	6.25	7.25	5.25	0.0	0.0	15.55	
400	040400	TRƯƠNG MAI VÀNG	Nữ	07/03/2010	7.84	8	7.13	7.39	7.59	5.25	3.75	3.25	0.0	0.0	10.85	
401	040401	NGUYỄN ĐOÀN THANH VĂN	Nam	20/06/2010	6.39	6.33	6.69	7.23	6.66	4.75	3.50	4.75	0.0	0.0	11.10	
402	040402	VĂN THỊ TUYẾT VÂN	Nữ	28/05/2010	7.56	7.46	7.68	7.7	7.6	3.00	2.50	3.75	0.0	0.0	8.76	
403	040403	VÔ THỊ KIỀU VÂN	Nữ	23/02/2010	8.3	8.36	8.71	8.85	8.56	6.50	5.50	5.50	0.0	0.0	14.82	
404	040404	ĐỖ NGUYỄN TƯỜNG VI	Nữ	19/06/2010	8.76	8.74	9.06	8.86	8.86	5.25	6.00	3.75	0.0	0.0	13.16	
405	040405	HUỠNH ĐOÀN QUỐC VIỆT	Nam	23/08/2010	5.1	5.41	6.1	5.4	5.5	2.75	2.00	4.00	0.0	0.0	7.78	
406	040406	TRẦN LÊ UY VŨ	Nam	26/08/2010	6.79	7.13	5.94	6.65	6.63	3.25	4.25	3.00	0.0	0.0	9.34	
407	040407	BIỆN HỒNG NGỌC VY	Nữ	17/01/2010	8.05	7.69	8.01	7.63	7.85	6.50	6.25	2.75	0.0	0.0	13.21	
408	040408	ĐẶNG TRẦN BẢO VY	Nữ	20/08/2010	9.34	9.66	9.56	9.53	9.52	6.83	7.75	7.25	0.0	0.0	18.14	
409	040409	ĐINH HOÀNG PHƯƠNG VY	Nữ	14/07/2010	8.45	8.69	8.69	8.23	8.52	4.00	6.50	6.25	0.0	0.0	14.28	
410	040410	HÀ NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	17/06/2010	7.59	8.66	8.61	8.43	8.32	4.00	2.50	5.25	0.0	0.0	10.72	
411	040411	HOÀNG THỊ KIM VY	Nữ	25/08/2010	7.79	8.18	8.06	8.01	8.01	6.50	3.00	3.25	0.0	0.0	11.33	
412	040412	LÊ HOÀNG PHƯƠNG VY	Nữ	16/10/2010	8.04	8.46	9	8.91	8.6	7.00	6.25	3.50	0.0	0.0	14.31	
413	040413	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	27/04/2009	8	8.1	7.9	8.1	8.03	6.25	4.50	5.00	0.0	0.0	13.43	
414	040414	NGUYỄN TRẦN KHÁNH VY	Nữ	11/07/2010	8.89	9.15	9.38	9.18	9.15	5.00	5.00	6.00	0.0	0.0	13.95	
415	040415	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	22/12/2010	6.39	7.86	8.19	8.35	7.7	5.00	4.75	3.25	0.0	0.0	11.41	
416	040416	PHAN HUỠNH KHÁNH VY	Nữ	17/10/2010	8.86	8.66	7.98	7.78	8.32	6.33	5.50	4.25	0.0	0.0	13.75	
417	040417	PHẠM NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	18/01/2010	8.08	8.48	8.61	8.21	8.35	5.75	4.50	5.50	0.0	0.0	13.53	
418	040418	TRẦN ĐẶNG THẢO VY	Nữ	18/11/2010	6.6	7.45	7.51	7.44	7.25	6.50	3.75	2.50	0.0	0.0	11.10	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
419	040419	TRẦN NGUYỄN MINH VY	Nữ	10/03/2010	8.84	9.09	9.2	9.16	9.07	7.50	6.50	7.50	0.0	0.0	17.77	
420	040420	TRẦN THẢO VY	Nữ	16/09/2010	7.9	7.28	6.73	7.06	7.24	5.25	3.25	2.50	0.0	0.0	9.87	
421	040421	PHẠM TUẤN VỸ	Nam	20/01/2010	8	7.83	7.61	7.58	7.76	6.00	5.00	4.00	0.0	0.0	12.83	
422	040422	VÕ HOÀNG ĐẠI VỸ	Nam	26/01/2010	7.81	7.59	7.21	6.59	7.3	5.25	2.25	5.00	0.0	0.0	10.94	
423	040423	TRẦN THỊ HIỀN XUÂN	Nữ	29/01/2010	7.54	7.85	7.25	7.99	7.66	5.25	2.50	3.00	0.0	0.0	9.82	
424	040424	PHẠM LÊ KIM XUYẾN	Nữ	08/08/2010	6.58	7.01	6.15	6.49	6.56	4.75	1.00	5.25	0.0	0.0	9.67	
425	040425	NGUYỄN HỒNG NHƯ YẾN	Nữ	27/01/2010	6.85	6.74	7.15	6.88	6.91	4.25	1.75	2.75	0.0	0.0	8.20	
426	040426	TRẦN HUỖNH KIM YẾN	Nữ	30/07/2010	9.01	8.94	9.1	9.06	9.03	7.50	5.50	5.25	0.0	0.0	15.48	
427	040427	VÕ HOÀNG KIM YẾN	Nữ	18/09/2010	8.13	8.34	8.61	8.48	8.39	5.75	5.75	4.75	0.0	0.0	13.89	
428	040428	LÊ HUỖNH NHƯ Ý	Nữ	10/05/2010	8.43	7.83	8.6	8.59	8.36	5.50	4.75	3.75	0.0	0.0	12.31	
429	040429	LƯU KIM Ý	Nữ	25/11/2010	7.76	7.76	7.05	7.33	7.48	3.75	1.25	4.25	0.0	0.0	8.72	

Danh sách này có 429 thí sinh/

Cán bộ in



Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm



Võ Thùy Trang

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng